



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 2

LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS 2nd

(Kèm theo quyết định số/Attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 01 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Công ty TNHH IMV Techno Việt Nam Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
Laboratory: IMV Techno Vietnam Co.,LTD - Branch in Ho Chi Minh City

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: Công ty TNHH IMV Techno Việt Nam
Organization: IMV Techno Vietnam Co., LTD

Số hiệu/ Code: VILAS 1284

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực: Cơ
Field: Mechanical

Người quản lý/
Laboratory manager: SUGIYAMA HARUKI

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: Kể từ ngày /01/2026 đến ngày 11/03/2026

Địa chỉ/Address: Nhà máy số 13, Tổ hợp nhà máy cho thuê số 2, Lô P-7, Khu Công nghiệp Thăng Long, Xã Thiện Lộc, Thành phố Hà Nội
Factory No. 13, Thang Long Apartment Factory No. 2, Plot P-7, Thang Long Industrial Park, Thien Loc Commune, Hanoi city

Địa điểm/ Location: Kho xưởng số 7, Cụm 1, nhóm CN1, đường CN 13, Khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
Warehouse No. 7, Cluster 1, Group CN1, CN 13 Street, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City.

Điện thoại/ Tel: 028 3535 4424

Email: info@imv-vn.com

Website:

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 2*LIST OF ENTEDED ACCREDITED TESTS 2nd***VILAS 1284****Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ***Field of testing: Mechanical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Linh kiện, trang thiết bị điện – điện tử <i>Electrical and electronic components</i> Chi tiết và sản phẩm cơ khí <i>Mechanical components</i> Chi tiết, bộ phận trên phương tiện giao thông vận tải <i>Transportation vehicle components.</i> Sản phẩm hàng tiêu dùng <i>Consumer products</i>	Thử rung (hình sin) <i>Vibration test (sinusoidal)</i>	- Tần số rung/ <i>Vibration frequency</i> : đến/ to 2 600 Hz - Biên độ dịch chuyển lớn nhất/ <i>Maximum displacement</i> : 76,2 mm _{p-p} - Gia tốc lớn nhất/ <i>Maximum acceleration</i> : 882 m/s ² _{rms} - Kích cỡ mẫu thử nhỏ hơn/ <i>Dimension of specimen less than</i> : 750 x 750 x 2 100 mm, 400 Kg	IEC 60068-2-6:2007 ISO 16750-3:2023
2.		Thử rung (ngẫu nhiên băng tần rộng) <i>Vibration test (broadband random)</i>	- Tần số rung/ <i>Vibration frequency</i> : đến/ to 2 600 Hz - Biên độ dịch chuyển lớn nhất/ <i>Maximum displacement</i> : 82 mm _{p-p} - Gia tốc lớn nhất/ <i>Maximum acceleration</i> : 617 m/s ² _{rms} - Kích cỡ mẫu thử nhỏ hơn/ <i>Dimension of specimen less than</i> : 750 x 750 x 2 100 mm, 400 Kg	IEC 60068-2-64:2008 ISO 16750-3:2023
3.		Thử xóc <i>Shock test</i>	- Biên độ dịch chuyển lớn nhất/ <i>Maximum displacement</i> : 82 mm _{p-p} - Gia tốc lớn nhất/ <i>Maximum acceleration</i> : 1 764 m/s ² peak - Kích cỡ mẫu thử nhỏ hơn/ <i>Dimension of specimen less than</i> : 750 x 750 x 2 100 mm, 400 Kg	IEC 60068-2-27:2008 ISO 16750-3:2023
4.		Thử môi trường nóng khô <i>Dry heat environmental test</i>	- Nhiệt độ/ <i>Temperature</i> : (30 ~ 160) °C - Kích cỡ mẫu thử nhỏ hơn/ <i>dimension of specimen less than</i> : 1 000 x 1 000 x 1 000 mm, 200 Kg	IEC 60068-2-2:2007 ISO 16750-4:2023

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 2

LIST OF ENTEDED ACCREDITED TESTS 2nd

VILAS 1284

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
5.	Linh kiện, trang thiết bị điện – điện tử Electrical and electronic components Chi tiết và sản phẩm cơ khí Mechanical components Chi tiết, bộ phận trên phương tiện giao thông vận tải Transportation vehicle components. Sản phẩm hàng tiêu dùng Consumer products	Thử môi trường lạnh <i>Cold enviromental test</i>	- Nhiệt độ/ <i>Temperature</i> : (-40 ~ 5) °C - Kích cỡ mẫu thử nhỏ hơn/ <i>dimension of specimen less than</i> : 1 000 x 1 000 x 1 000 mm, 200 Kg	IEC 60068-2-1:2007 ISO 16750-4:2023
6.		Thử thay đổi nhiệt độ <i>Change of temperature test</i>	- Nhiệt độ/ <i>Temperature</i> : (-77 ~ 205) °C - Kích cỡ mẫu thử nhỏ hơn/ <i>Dimension of specimen less than</i> : 710 x 345 x 410 mm, 30 Kg	IEC 60068-2-14:2023 ISO 16750-4:2023
7.		Thử môi trường nóng ẩm, chu kỳ <i>Damp heat, cyclic enviromental test</i>	- Nhiệt độ/ <i>Temperature</i> : (-40 ~ 160) °C - Độ ẩm/ <i>Humidity</i> : (20 ~ 98) %RH - Kích cỡ mẫu thử nhỏ hơn/ <i>dimension of specimen less than</i> : 1 000 x 1 000 x 1 000 mm, 200 Kg	IEC 60068-2-30:2025 IEC 60068-2-38:2021
8.		Thử môi trường nóng ẩm, không đổi <i>Damp heat, steady state enviromental test</i>	- Nhiệt độ/ <i>Temperature</i> : (-40 ~ 160) °C - Độ ẩm/ <i>Humidity</i> : (20 ~ 98) %RH - Kích cỡ mẫu thử nhỏ hơn/ <i>dimension of specimen less than</i> : 1 000 x 1 000 x 1 000 mm, 200 Kg	IEC 60068-2-78:2025 ISO 16750-4:2023
9.		Thử phun sương muối, chu kỳ <i>Salt mist, cyclic (sodium chloride solution)</i>	- Từ nhiệt độ môi trường đến/ <i>from ambient temperature to</i> 60 °C - Độ ẩm/ <i>Humidity</i> : (25 ~ 98) %RH - Kích cỡ mẫu thử nhỏ hơn/ <i>Dimension of specimen less than</i> : 1 200 x 2 500 x 1 000 mm, 200 Kg	IEC 60068-2-52:2017 ngoại trừ/ <i>exempt</i> : method 8

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 2*LIST OF ENTEDED ACCREDITED TESTS 2nd***VILAS 1284**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
10.	Vỏ ngoài của trang thiết bị điện trên phương tiện giao thông đường bộ <i>Enclosures of the electrical equipment of road vehicles</i>	Thử cấp bảo vệ chống sự xâm nhập của nước <i>Degree of protection against water test</i>	D < 800 mm Weight: 100 Kg IPX3, IPX4, IPX5, IPX6, IPX7, IPX8 IPX4K, IPX6K, IPX9K	ISO 20653:2023

Chú thích/ Note:

- IEC: *International Electrotechnical Commission*
- ISO: *the International Organization for Standardization*
- Trường hợp Công ty TNHH IMV Techno Việt Nam cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH IMV Techno Việt Nam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for IMV Techno Vietnam Co., LTD that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./*

